

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2018/DS-ST**

Ngày: 26/6/2018

“*V/v yêu cầu đòi tài sản là nhà đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bích Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thanh Đậm**

2. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Xuân Cường** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2016/TLST-DS, ngày 07 tháng 3 năm 2016 về “Yêu cầu đòi tài sản là nhà đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Đình H** – sinh năm 1954, *có mặt*

Nơi cư trú: 33A/25A, Khu phố 4, Thị xã D A, tỉnh BD.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn B** – sinh năm 1976, *có mặt*

Nơi cư trú: Thôn Ph Ngh, xã Ph Ch, huyện Ch M, Thành phố HN.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1964, *có mặt*

Nơi cư trú: Tổ 9, Khu phố TT, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* 1/ Ông **Phạm Thanh S** – sinh năm 1958, *có mặt*

2/ Bà **Trần Thị Ng** – sinh năm 1957 (là vợ ông Sơn), *có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*

Cùng nơi cư trú: Tổ 13, Khu phố Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3/ Bà **Trương Lệ Ng** – sinh năm 1969, *có mặt*

Nơi cư trú: Ấp HM, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh KG.

4/ Ủy ban nhân dân huyện KL, (*có yêu cầu giải quyết vắng mặt*)

Địa chỉ trụ sở: Khu phố Ba Hòn, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Đình H – Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn B trình bày và yêu cầu như sau: Vào năm 1998 ông có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Thanh S và bà Trần Thị Ng một căn nhà, tọa lạc tại số 7, dãy 13, được xây dựng trên diện tích đất là 24m², tọa lạc tại ấp TT (hiện nay là số 194, Khu phố TT), thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG. Đến năm 2005 thì ông gửi nhà lại cho ông Lê Đình L trông giữ, do ông L là em ruột nên không có làm giấy tờ mà chỉ nói miệng với nhau, trong thời gian ông Lai ở thì ông H có đưa tiền cho ông L sửa chữa nhà, cũng trong thời gian đó ông đi đến tỉnh BD để làm ăn, đến tháng 10/2013 thì ông L chết, đến tháng 11/2015 ông Nguyễn Văn T ngang nhiên vào chiếm đoạt căn nhà và đất của ông. Nay ông yêu cầu ông T phải trả lại căn nhà và đất nói trên. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào ngày 14/10/2015 ông có mua lại căn nhà số 194, tổ 16, Khu phố TT, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG (trước đây là căn 7, dãy 13) của bà Trương Lệ Ng với số tiền là 200.000.000đ và nhận giấy tờ liên quan đến căn nhà do bà Ng giao, việc mua bán có xác nhận của những hộ xung quanh và của chính quyền địa phương. Vì ông sống ở địa phương nên ông biết ông L bà Ng là vợ chồng và sinh sống trong căn nhà này, vì vậy sau khi ông L chết thì bà Ng bán nên ông mua lại. Do việc mua bán nhà giữa ông với bà Ng không có tranh chấp, nên nay ông Lê Đình H yêu cầu ông trả lại nhà đất thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Lệ Ng trình bày: Bà với ông Lê Đình L là vợ chồng được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008, vợ chồng bà có căn nhà tọa lạc tại số 194, tổ 16 khu phố Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc căn nhà là của Xí nghiệp lắp máy 18-2 cấp cho ông Phạm Thanh S vào ngày 25/5/1993, sau đó ông S chuyển nhượng lại cho ông L và kèm theo 01 quyết định của Xí nghiệp lắp máy 18-2 (bản gốc) và một giấy sang nhượng đứng tên ông Phạm Thanh S sang nhượng cho ông Lê Đình L (bản gốc). Sau khi sang lại nhà thì chồng bà là ông L đã xây dựng sửa chữa lại và ở sử dụng cho đến khi ông L chết vào năm 2013, do

ông L ở huyện KL còn bà là giáo viên công tác ở huyện GQ nên cuối tuần thì bà về KL gặp ông L hoặc ông L xuống GQ gặp bà, do đó sau khi ông L chết được khoảng 4 tuần thì bà mới biết, do ông H cùng với người thân của ông H đưa ông L đi bệnh viện và đem về quê mai táng nhưng không cho bà biết tin, sau đó thì bà mới biết được tin ông L chết. Khi gần đến 49 ngày, bà có nghe bà Tạ Thị Tuyết là tổ trưởng kêu đem toàn bộ giấy tờ gốc liên quan đến căn nhà, giấy chứng nhận kết hôn...đề trình cho tổ xem, vì vậy mà khi từ huyện GQ lên nhà để cúng 49 ngày cho ông L thì bà có đem theo toàn bộ giấy tờ như bà Tuyết đã nói, trong ngày cúng cho ông L thì túi xách đựng toàn bộ giấy tờ, tiền vàng.. đã bị con của ông H xông vào nhà không chế chiếm đoạt lấy hết, có nhiều giấy tờ khác nhau, trong đó có giấy sang nhượng viết tay bán nhà của ông Phạm Thanh S cho ông Lê Đình L (bản gốc) và quyết định cấp nhà của Xí nghiệp lắp máy 18-2 (bản gốc).... Ngay sau khi bị lấy mất, bà có trình báo công an thị trấn KL và được hướng dẫn làm đơn có mất và được Công an thị trấn KL xác nhận. Từ tháng 12/2013 bà đóng cửa nhà để về huyện GQ công tác, đến tháng 11/2014 bà cho thuê nhà, đến ngày 14/10/2015 thì bà bán lại căn nhà cho ông Nguyễn Văn T, việc mua bán có xác nhận của chính quyền địa phương. Nay bà không tranh chấp về việc mua bán nhà với ông T. Do căn nhà này là của vợ chồng bà (giữa bà với ông L không có con) nên sau khi ông L chết thì bà bán lại cho ông T, vì vậy ông H không có quyền gì để đòi lại căn này.

2/ *Vợ chồng ông Phạm Thanh S và bà Trần Thị Ng trình bày:* Ông S là công nhân của Xí nghiệp lắp máy 18-2 nên vào năm 1993 ông được Xí nghiệp cấp cho 01 căn nhà số 7 dãy 13 (nay là số 194, tổ 16, Khu phố TT, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG), đến năm 1998 thì ông bà bán lại căn nhà cho ông Lê Đình L và có viết giấy bán nhà cho ông L - giấy này chỉ có một mình ông S ký - sau đó khoảng 1 tuần ông H có giao số tiền là 20.000.000đ (lúc giao tiền cũng có mặt ông L) và yêu cầu viết lại giấy là bán nhà cho ông H (giấy này cả hai vợ chồng ông bà đều ký tên), sau khi viết giấy lần thứ 2 thì ông không thu hồi lại giấy lần đầu. Ông bà đề nghị Tòa án căn cứ vào giấy tờ mua bán để giải quyết yêu cầu đòi nhà của ông H.

3/ *Ủy ban nhân dân huyện KL có ý kiến:* Về khu đất tranh chấp giữa ông Lê Đình H với ông Nguyễn Văn T là nằm cặp kênh xáng Ba Hòn-Kiên Lương và quốc lộ 80, hiện nay khu này chưa được Ủy ban nhân dân huyện KL tổ chức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân dọc theo tuyến đường này. Vì vậy, nếu khu đất tranh chấp giữa Lê Đình H với ông Nguyễn Văn T đủ điều kiện thì sẽ được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện KL đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa các đương sự khai như sau: Ông H, bà Ng khẳng định ông L không có con và cha mẹ ông L đã chết trước khi ông L còn sống; Tất cả các tình

tiết về việc người làm chứng ký vào thời điểm nào, có thu hồi lại giấy viết sang nhượng lần thứ nhất (giấy bán cho ông L) hay không... thì ông S đều không nhớ rõ, tuy nhiên ông S khẳng định vì ông với ông L là công nhân và làm cùng nên ông thân thiết với ông L hơn ông H, ông L là người trực tiếp hỏi mua nhà, khi viết giấy sang nhượng lần đầu mang tên ông L thì có một mình ông L, sau đó thì ông H đem tiền đến trả và kêu ông với bà Ng ký lại giấy khác (giấy đã được viết sẵn) và đổi tên người mua là ông H.

Ông H, ông B khẳng định 02 người làm chứng ký tại nhà ông S, vì sau khi ông S ông H ký xong giấy, thì có 02 người là bà Hoàn, bà Dung đi ngang nên kêu vào nhờ ký vào giấy dùm; Ông L vào huyện KL sinh sống trước, khoảng 1-2 năm sau thì ông H mới vào, tại thời điểm đó thì ông L đang là công nhân Xí nghiệp lắp máy, còn ông H thì do ở ngoài quê làm nông khó khăn, chỉ đủ sống nên mới vào huyện KL sinh sống với ông L để buôn bán rong (bán kem, nước ngọt) và làm phụ hồ.

Ngoài ra, bà Ng khai thêm sau khi ông L chết thì ông H có làm thủ tục xác nhận ông L độc thân để rút toàn bộ số tiền bảo hiểm của ông L, bà có khởi kiện tại Tòa án huyện KL nhưng nghe Tòa án giải thích là kiện sai thẩm quyền nên bà rút đơn và vụ án bị đình chỉ. Nay bà vẫn chưa kiện lại vì nghĩ ông H cũng có công đưa ông L về quê mai táng nên chưa muốn khởi kiện lại để đòi số tiền bảo hiểm của ông L; Ông H cũng khẳng định đã rút hết tiền bảo hiểm của ông L.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Tuy nhiên, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là còn chậm theo quy định; Về nội dung vụ án: Xác định quan hệ pháp luật là đúng, do ông Hiệp không chứng minh đầy đủ quyền sở hữu về tài sản nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Ng và Ủy ban nhân dân huyện KL có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật đây là “Yêu cầu đòi lại tài sản là nhà, đất” và phát sinh tranh chấp vào năm 2016 nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Đối tượng tranh chấp trong vụ án được xác định là căn nhà số 7 dãy 13-hiện nay là số 194, tổ 16, tọa lạc tại Khu phố TT, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG,

nguồn gốc là do Xí nghiệp lắp máy 18-2 quyết định cấp cho ông Phạm Thanh S vào năm 1993. Đến năm 1998 ông Sơn bán lại căn nhà nêu trên với giá là 20.000.000đ. Hiện nay căn nhà được các bên thống nhất thỏa thuận giá trị là 200.000.000đ (Trong đó, 20.000.000đ là giá trị căn nhà cũ, 180.000.000đ là giá trị chênh lệch tăng thêm của căn nhà tính theo giá thị trường), do nhà đất có vị trí cặp bờ sông nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Ng với ông Lê Đình L là vợ chồng đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo pháp luật. Vì đây là các tình tiết có thật và được các đương sự thống nhất nên không cần phải chứng minh.

[4] Xét lời khai của ông S, bà Ng thấy rằng: Việc ông L có thương lượng mua nhà của ông S là sự thật, bởi vì ông S có viết một “giấy sang nhượng” đứng tên người nhận chuyển nhượng là Lê Đình L, ông H cũng biết việc sang nhượng này. Tuy nhiên, sau đó 01 tuần lễ ông S lại viết một “giấy sang nhượng” khác và thay đổi tên người nhận chuyển nhượng từ ông L thành ông H, nhưng lại không có ý kiến của ông L về việc thay đổi này, ông S ông H cũng không yêu cầu ông L trả lại giấy sang nhượng cũ, bản thân ông S cũng không biết ai mới là người thật sự đứng ra mua nhà (lời khai tại biên bản hoà giải ngày 24/02/2017), nhưng tại phiên tòa ông S khẳng định người mua nhà là ông H vì ông H là người trả tiền. Tuy nhiên, hiện nay ông L đã chết nên không thể đòi chất được vấn đề này.

[5] Theo lời khai của những người chứng kiến trong “Giấy sang nhượng, ngày 07/10/1998” là bà Đoàn Thị Hoàn và Hà Thị Dung đều xác nhận: Khi ký giấy thì do ông H, ông S đem giấy đến nhà nhờ ký, không trực tiếp chứng kiến việc hai bên mua bán và thỏa thuận như thế nào, cũng như việc giao trả tiền với nhau và cũng không biết người mua nhà là ai... Hơn nữa, lời khai của những người này có mâu thuẫn với lời khai của ông H tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà Hoàn, bà Dung có ký tên với tư cách “người làm chứng” trong giấy sang nhượng, nhưng lại không biết rõ sự việc diễn ra như thế nào và không chứng kiến trực tiếp việc giao dịch giữa các bên, do đó việc làm chứng này chỉ mang tính “hình thức”, còn các tình tiết liên quan đến nội dung sự việc như thế nào thì đều không biết, do đó những người này không phải là “người làm chứng” được quy định tại Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Xem xét nội dung “Giấy sang nhượng ngày 07/10/1998”, các đương sự có ghi: “Căn nhà hộ số 07, dãy 13, ấp TT (*dòng 10 từ trên xuống của trang thứ nhất*)..., ông Lê Đình H trú tại ấp TT (*dòng thứ 3 từ dưới lên của trang thứ nhất*)..., ấp 8 T ngày 07,10,1998 (*dòng thứ 7 từ trên xuống của trang thứ hai*)”, cho thấy về tên gọi địa danh ấp TT được các bên lặp lại nhiều lần. Tuy nhiên, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn KL được biết, từ năm 1998 đến năm 2007 thì tên gọi là ấp K T T (K 8 T), đến năm 2007 thì mới đổi tên là ấp TT (8 T). Ngoài ra, tại phiên tòa có tham khảo ý kiến của bà Tạ Thị Tuyết, và được bà

Tuyết cho biết từ năm 1999 đến nay bà Tuyết là tổ trưởng Tổ 16, khu phố TT và bà Tuyết cũng khẳng định trước đây chỉ có tên gọi là ấp K T T, sau khi Hà Tiên trở thành thị xã thì mới gọi là khu phố TT. Như vậy có cơ sở xác định, từ năm 1998 thì chưa tồn tại tên gọi ấp TT, vì vậy việc ông S ông H ghi địa danh tên gọi tại thời điểm hiện nay vào giấy được viết từ năm 1998 là chưa chính xác (kể cả việc bà Tuyết chính là người viết giấy dùm cho ông H).

[6] Căn cứ theo lời khai của ông H cho rằng sau khi ông mua nhà, ông cho ông L mượn ở để trông giữ, đồng thời cũng khẳng định và xác nhận ông L là người trực tiếp sửa chữa nhà. Hội đồng xét xử xét thấy: việc ông H cho ông L mượn nhà và đưa tiền cho ông L sửa chữa nhà thì không ai biết và ông H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, hơn nữa ông L đã chết nên lời khai của ông H là không có căn cứ để xem xét.

Thực tế, tài liệu trong hồ sơ thể hiện cũng như lời khai của ông H khẳng định, ông L là người sửa chữa căn nhà, ông L đã quản lý sử dụng và ở tại căn nhà này từ thời điểm sang nhượng, kể cả thời điểm ông L cưới vợ là bà Ng, thì ông L và bà Ng cũng sinh sống trong căn nhà này, cho đến khi ông L bị bệnh chết. Qua đó, có cơ sở xác định ông L là người đã trực tiếp quản lý, sử dụng, sửa chữa và sinh sống trong căn nhà này từ lúc sang nhượng đến khi chết.

[7] Tại thời điểm bà Ng bán căn nhà cho ông T thì chưa phát sinh tranh chấp quyền về tài sản, việc mua bán có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi mua lại căn nhà, ông T đã giao tiền đủ và là người quản lý sử dụng, hiện nay căn nhà vẫn như hiện trạng lúc mua, không có sửa chữa xây dựng thêm. Do bà Ng là vợ hợp pháp của ông L được pháp luật thừa nhận nên ông T đã đồng ý mua lại căn nhà của bà Ng, hiện nay giữa bà Ng với ông T cũng không có tranh chấp về việc chuyển nhượng căn nhà. Do các đương sự không tranh chấp về việc chuyển nhượng cũng như quyền thừa kế nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này. Nếu sau này các bên có tranh chấp về việc chuyển nhượng căn nhà hoặc phát sinh quyền thừa kế thì kiện thành vụ án dân sự khác.

[8] Từ những nhận định trên cho thấy, chứng cứ duy nhất ông H cung cấp được để chứng minh ông H là người mua nhà của ông S bà Ng là “Giấy sang nhượng nhà đất, ngày 07/10/1998” nhưng giấy sang nhượng này được viết lại sau khi ông S viết giấy sang nhượng cho ông L, đây là văn bản được viết lại lần thứ hai và có thay đổi tên “người được sang nhượng” nhưng lại không có sự thỏa thuận của các bên, mặt khác văn bản sang nhượng lần thứ nhất với ông L không bị hủy bỏ, không bị thu hồi...do đó mọi thay đổi liên quan đến quyền lợi của ông L nhưng không có ý kiến của ông L là không có giá trị. Vì vậy, văn bản “Giấy sang nhượng nhà đất, ngày 07/10/1998” giữa ông H với ông S, bà Ng là không có giá trị pháp lý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận được.

Xét tất cả lời khai của ông H về việc cho ông L mượn nhà để ở, đưa tiền cho ông L sửa chữa nhà ...đều không có chứng cứ thể hiện ý chí của ông L, trong khi ông L đã chết, do đó mọi lời khai liên quan đến ông L nhưng không có chứng cứ chứng minh đều không có cơ sở xem xét chấp nhận được. Mặt khác, trong thời gian ông L còn sống, giữa ông H với ông L cũng không có sự thỏa thuận hay tranh chấp gì liên quan đến tài sản này, xét về công việc cũng như nguồn thu nhập của ông H tại thời điểm năm 1998 để mua được căn nhà với giá trị nêu trên là không hợp lý, ngoài ra ông Lê Đình H không có chứng cứ nào khác chứng minh được đầy đủ căn cứ xác lập quyền sở hữu về tài sản theo quy định tại Điều 170 Bộ luật dân sự nên không có cơ sở xem xét yêu cầu đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự, do đó xét yêu cầu đòi tài sản là nhà đất số 194, tổ 16, tọa lạc tại Khu phố TT, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG của ông Lê Đình H đối với ông Nguyễn Văn T là không có căn cứ nên không chấp nhận được.

* Công ty Cổ phần LILAMA 18 – Xí nghiệp lắp máy 18-2 không có ý kiến gì về tranh chấp giữa các bên cũng như đối với tài sản là căn nhà cấp cho ông S, đồng thời xin không tham gia tố tụng là phù hợp nên không xem xét.

* Đối với tài sản là quyền sử dụng đất trong vụ án hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện KL, tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện KL cũng đã có ý kiến, nếu khu đất đang tranh chấp giữa ông H và ông T có đủ điều kiện thì sẽ được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[9] Về chi phí và án phí:

- Về chi phí giám định chữ viết và màu mực là là 900.000đ (Biên nhận ngày 22/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang với số tiền là 300.000đ và phiếu thu số 146 ngày 14/7/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh với số tiền là 600.000đ). Do bà Ng yêu cầu giám định nhưng không kết luận được nên bà Ng phải nộp, theo đó được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí là 5.000.000đ (theo giấy nộp tiền ngày 04/4/2016 và giấy nộp tiền ngày 04/7/2016). Vì vậy, bà Ng được nhận lại số tiền còn thừa là 4.100.000đ (đã giao trả xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: là 200.000đ, do yêu cầu đòi tài sản của ông Lê Đình H không được chấp nhận nên ông Hiệp phải nộp.

Vì càu leõ treân;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 170, 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

1. Tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H đối với ông Nguyễn Văn T về việc đòi lại tài sản là nhà và đất tọa lạc tại số 194, Tổ 16, Khu phố TT, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG.

2. Về án phí: Căn cứ các điều 128 và 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

- Buộc ông Lê Đình H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ và được khấu trừ vào án phí tạm nộp 200.000đ theo biên lai thu số 0001541, ngày 07/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KL, tỉnh KG.

3. Báo nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2018); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Vân